

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BÀ RỊA
TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 15/2020/HS-ST
Ngày 07-5-2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BÀ RỊA, TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mai

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Lê Văn Công.

2. Bà Lê Thị Quỳnh Nga

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Dung – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Nhung – Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 5 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 08/2020/HS-ST ngày 26 tháng 02 năm 2020, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 08/2020/QĐXXST-HS ngày 09 tháng 3 năm 2020; Thông báo thay đổi thời gian mở phiên tòa số 01/2020/QĐ-TA ngày 20 tháng 3 năm 2020, Thông báo mở lại phiên tòa số 01/2020/QĐ-TA ngày 21 tháng 4 năm 2020 và Quyết định thay đổi Hội thẩm nhân dân số 01/2020/QĐTĐHTND ngày 29/4/2020, đối với bị cáo:

Trần N, sinh năm: 1988 tại Bà Rịa – Vũng Tàu; Hộ khẩu thường trú: ấp Đ, xã H, thành phố B, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu; Nơi cư trú: Tổ 19, ấp Bắc 2, xã Hòa Long, thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu; Nghề nghiệp: Phụ hồ; Trình độ học vấn: 6/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Trọng T, sinh năm 1967 và bà Võ Thị H, sinh năm: 1969; có vợ Cao Thị H, sinh năm: 1991 và con Trần Thanh T, sinh năm 2018.

Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: Ngày 14 tháng 11 năm 2008 bị Tòa án nhân dân thành phố Bà Rịa xử phạt 18 tháng tù về tội “Cố ý gây thương tích” theo Bản án số 111/2008/HSST.

Bị cáo bị tạm giam từ ngày 13/11/2019, đến ngày 06/01/2020 được thay thế biện pháp ngăn chặn cho bảo lãnh đến nay. (bị cáo tại ngoại có mặt tại phiên tòa)

Người bào chữa: Ông Lê Văn Nam – Luật sư thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (có mặt).

Bị hại:

+ Ông Võ Đức M, sinh năm: 1984, địa chỉ: phường L, thành phố B, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (có mặt).

+ Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1984, địa chỉ: xã H, thành phố B, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (có mặt).

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

+ Ông Trần Trọng T, sinh năm 1967, địa chỉ: xã H, thành phố B, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (có mặt).

+ Bà Võ Thị H, sinh năm 1969, địa chỉ: xã H, thành phố B, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (có mặt).

+ Bà Cao Thị H, sinh năm 1991, địa chỉ: xã H, thành phố B, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (có mặt).

+ Ông Bùi Minh T, sinh năm 1985, địa chỉ: xã H, thành phố B, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (vắng mặt).

Người làm chứng:

+ Ông Trần Văn H, sinh năm 1988, địa chỉ: xã H, thành phố B, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (có mặt).

+ Ông Nguyễn Văn D, sinh năm 1994, trú tại: xã H, thành phố B, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 17 giờ 30 phút ngày 20/5/2019, Nguyễn Văn D, sinh năm: 1994 cùng với anh ruột là Nguyễn Văn T, sinh năm: 1984 cùng trú tại: xã H, thành phố

B, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu và Võ Đức M, sinh năm: 1984, trú tại: phường L, thành phố Bà Rịa đi nhậu tại quán Nguyệt Ca thuộc xã H, thành phố B, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. Khi nhậu được khoảng 20 phút thì một người bạn của T tên Trần Văn H, sinh năm: 1988, trú tại: xã H, thành phố B, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu gọi điện thoại rủ T đi nhậu nhưng T không đi, một lúc sau Hiếu tiếp tục gọi điện thoại, T không nghe máy mà đưa cho M nghe hộ, M nói không tới được, nếu đến đây nhậu thì đến. Sau đó, H đi cùng Trần N đến nhậu cùng với nhóm của T. Sau khi uống khoảng 02 chai bia, N lấy xe máy hiệu vision, màu đỏ - cam (không rõ biển số) chạy đi trước, N điều khiển xe đến quán cà phê Gió thuộc xã H, thành phố B lấy 01 con dao tự chế, lưỡi bằng sắt màu trắng, cán bằng gỗ dài khoảng 80cm (do thường tới quán uống cà phê, nên biết có dao để chỗ chặt dừa) rồi điều khiển xe quay lại quán nhậu, khi đi tới trước quán bia Biva thuộc xã H, thành phố B thì gặp T, Dũng, M và Hiếu. N cầm dao đến đuổi M, M chạy được khoảng 100 mét thì té ngã, hai tay ôm đầu thì bị N chém 01 nhát vào tay, N tiếp tục dùng dao đâm, M dùng tay trái chụp được lưỡi dao bị rách lòng bàn tay, T chạy lại can thì bị N chém một nhát vào vai phải gây thương tích.

Tại bản kết luận giám định pháp y về thương tích số 188/TgT ngày 08/7/2019 của Trung tâm pháp y tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu đối với Võ Đức M kết luận:

“1. Dấu hiệu chính qua giám định:

- 01 vết thương cẳng tay phải: gãy hai xương cẳng tay, đứt nhiều cơ gấp, đứt ngón II-III-IV-V, đứt bó mạch thần kinh trụ, đã phẫu thuật khâu nối gân cơ, nối mạch máu, nối thần kinh, khâu vết thương. Hiện vận động khớp khuỷu và khớp cổ tay trong giới hạn bình thường, cứng khớp bàn ngón các ngón tay, mất dẫn truyền vận động và cảm giác của dây thần kinh giữa, trụ bên phải.

- 01 vết thương mặt lòng bàn tay trái, lành tốt.

2. Về vật gây thương tích? Chiều hướng gây thương tích:

- Thương tích 1: Phù hợp với tổn thương cơ bản là “vết chém hay băm bốp”, được gây ra do sự tác động của vật có diện rộng hoặc có trọng lượng lớn tác động với lực mạnh vào cơ thể như dao rựa, dao phay, búa, rìu; tác động vào vị trí vết thương theo chiều hướng từ trái sang phải.

- Thương tích 2: Được gây ra do sự tác động của vật cứng có cạnh sắc, tác động vào vị trí vết thương theo chiều hướng từ trước ra sau.

3. Căn cứ Thông tư số 20/2014/TT-BYT ngày 12/6/2014 của Bộ y tế, Quy định tỷ lệ tổn thương cơ thể sử dụng trong giám định pháp y, giám định pháp y tâm thần.

Tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây ra hiện tại là 50% (Năm mươi phần trăm)

Tại bản kết luận giám định pháp y về thương tích số 186/TgT ngày 08/7/2019 của Trung tâm pháp y tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu đối với Nguyễn Văn T kết luận:

1. Dấu hiệu chính qua giám định:

- Vết thương phần mềm phía bên phải lưng gây đứt cơ trên gai, cơ dưới gai sâu đến xương bả vai, gãy (đứt) xương bả vai ít di lệch, đã phẫu thuật cột đốt cầm máu vết thương, khâu phục hồi các cơ vai, khâu vết thương.

2. Về vật gây thương tích? Chiều hướng gây thương tích:

- Thương tích nêu trên phù hợp với tổn thương cơ bản là “vết chém hay băm bổ”, được gây ra do sự tác động của vật có diện rộng hoặc có trọng lượng lớn tác động với lực mạnh vào cơ thể như dao rựa, dao phay, búa, rìu; tác động vào vị trí vết thương theo chiều hướng từ sau ra trước.

3. Căn cứ Thông tư số 20/2014/TT-BYT ngày 12/6/2014 của Bộ y tế, Quy định tỷ lệ tổn thương cơ thể sử dụng trong giám định pháp y, giám định pháp y tâm thần.

- Tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây ra hiện tại là 14 % (Mười bốn phần trăm). ”

Tại bản kết luận giám định pháp y tâm thần số 4249/KLGD ngày 05/9/2019 của Trung tâm pháp y tâm thần khu vực thành phố Hồ Chí M đối với Trần N kết luận:

“2.1. Về y học:

Trước, trong, sau khi gây án ngày 20/5/2019 cho đến hiện tại, Đối tượng có bệnh Tâm thần phân liệt, thể không biệt định, giai đoạn thuyên giảm không hoàn T (F20.34-ICD10).

2.2. Về khả năng nhận thức và điều khiển hành vi:

Trước, trong, sau khi gây án ngày 20/5/2019 cho đến hiện tại, Đối tượng hạn chế khả năng nhận thức và điều khiển hành vi ”

Xử lý tang vật:

- Xe mô tô hiệu Vision màu đỏ - cam, biển số 72D1- 215.17 là phương tiện bị can điều khiển đi lấy dao tại quán cà phê Gió. Qua điều tra xác định, xe do chị Cao Thị H (vợ của Trần N), sinh năm: 1991, HKTT: xã H, thành phố B là chủ sở hữu; chị H xác nhận chiếc xe có màu sơn N thủy là trắng, đăng ký lần đầu vào ngày 14/8/2015; quá trình sử dụng chị H dán đề can màu đỏ - cam. Đến ngày 18/10/2019, chị H đăng ký lại do đổi qua màu sơn đen – xám nhưng vẫn giữ N biển số. Vào ngày

20/5/2019, chị H giao xe cho chồng đi làm, sau khi gây án N dẫn xe về nhà. Chị không liên quan đến việc N gây thương tích cho người khác nên không giao nộp, do vậy cơ quan điều tra không thu giữ.

- 01 (một) dao tự chế có vỏ bọc bằng gỗ màu đen, lưỡi bằng sắt màu trắng, cán gỗ màu đen vàng dài 90cm do ông Trần Trọng T (cha Trần N), sinh năm: 1967, xã H, thành phố B giao nộp. Ông T khai nhận ông thu giữ từ N khi N trên đường từ hiện trường đi về nhà. Anh Bùi Minh T, sinh năm: 1985, HKTT: xã H, thành phố B là chủ quán cà phê Gió khai nhận con dao của một người khách (không rõ lai lịch) mang đến quán để từ lâu. Ông T không biết việc N lấy dao để gây thương tích cho người khác. Viện kiểm sát đã ra quyết định chuyển vật chứng đến Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bà Rịa bảo quản chờ xử lý.

Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo đã bồi thường cho anh Võ Đức M số tiền 29.500.000đ (hai mươi chín triệu năm trăm nghìn đồng), anh Nguyễn Văn T số tiền 5.500.000đ (năm triệu năm trăm nghìn đồng). Tại phiên tòa anh M và anh T yêu cầu bị cáo bồi thường cho mỗi người thêm 50.000.000đ (năm mươi triệu đồng).

Tại bản Cáo trạng số 10/CT-VKSTPBR ngày 18/02/2020 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bà Rịa đã truy tố bị cáo Trần N về tội “Cố ý gây thương tích” theo quy định tại điểm c khoản 3 Điều 134 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên giữ quyền công tố sau khi tranh luận vẫn giữ N quan điểm truy tố bị cáo về tội “Cố ý gây thương tích” theo quy định tại điểm c khoản 3 Điều 134 Bộ luật hình sự; trong quá trình điều tra, xét xử vụ án, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị cáo bị bệnh tâm thần phân liệt nên bị hạn chế khả năng nhận thức, điều khiển hành vi, đã tự nguyện bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả, bị hại có đơn bãi nại cho bị cáo nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b, p, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, 38, 54 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo từ 4 năm đến 4 năm 6 tháng tù. Về trách nhiệm dân sự ghi nhận sự tự nguyện của bị cáo về việc bồi thường cho anh Võ Đức M và anh Nguyễn Văn T mỗi người 50.000.000 (năm mươi triệu đồng), xử lý vật chứng đề nghị áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự: Tịch thu tiêu hủy 01 (một) dao tự chế có vỏ bọc bằng gỗ màu đen, lưỡi bằng sắt màu trắng, cán gỗ màu đen vàng dài 90cm.

Tại phiên tòa hôm nay, bị cáo thành khẩn khai báo, khai nhận T bộ hành vi phạm tội của mình đúng như Cáo trạng của Viện kiểm sát truy tố; không tranh luận, chỉ xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt.

Bị hại đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Người bào chữa đồng ý với tội danh và điều luật áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo cáo trạng của Viện kiểm sát truy tố, không có ý kiến tranh luận, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 54 Bộ luật hình sự để quyết định hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt được áp dụng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố Bà Rịa, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bà Rịa, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa hôm nay hoàn T phù hợp với chính lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra; phù hợp với lời khai của bị hại, người làm chứng và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở xác định: Khoảng 19 giờ ngày 20/5/2019, tại khu vực trước quán bia Biva thuộc xã H, thành phố B, bị cáo Trần N đã có hành vi dùng dao gây thương tích cho anh Võ Đức M với tỷ lệ tổn thương cơ thể là 50% (năm mươi phần trăm) và anh Nguyễn Văn T với tỷ lệ tổn thương cơ thể là 14%. Hành vi của bị cáo Trần N đã đủ yếu tố cấu thành tội “Cố ý gây thương tích” theo quy định tại khoản điểm c khoản 3 Điều 134 Bộ luật hình sự.

[3] Xét thấy, hành vi của bị cáo rất nguy hiểm cho xã hội, xâm hại đến sức khỏe của người khác được pháp luật bảo vệ và gây mất trật tự, an T xã hội tại địa phương. Bị cáo có nhân thân xấu từng bị xử phạt 18 tháng tù về tội “cố ý gây thương tích” nhưng không lấy làm bài học thay đổi bản thân mà tiếp tục phạm tội. Vì vậy, cần tuyên một mức án tương xứng với tính chất, mức độ phạm tội của bị cáo để giáo dục riêng, đồng thời bảo đảm phòng ngừa tội phạm chung. Tuy nhiên, xét thấy trong quá trình điều tra, xét xử vụ án, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị cáo bị bệnh tâm thần phân liệt nên bị hạn chế khả năng nhận thức, điều khiển hành vi, đã tự nguyện bồi thường, khắc phục một phần thiệt hại, bị hại

có đơn bãi nại cho bị cáo nên xem xét áp dụng điểm b, q, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự để giảm nhẹ một phần mức hình phạt cho bị cáo.

[4] Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo đã bồi thường cho anh Võ Đức M số tiền 29.500.000đ (hai mươi chín triệu năm trăm nghìn đồng), anh Nguyễn Văn T số tiền 5.500.000đ (năm triệu năm trăm nghìn đồng). Anh M và anh T yêu cầu bị cáo bồi thường mỗi người thêm 50.000.000đ (năm mươi triệu đồng), bị cáo tự nguyện đồng ý bồi thường theo yêu cầu của bị hại nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện của bị cáo.

[5] Về xử lý vật chứng: Đối với 01 (một) dao tự chế có vỏ bọc bằng gỗ màu đen, lưỡi bằng sắt màu trắng, cán gỗ màu đen vàng dài 90cm không xác định được chủ sở hữu bị cáo dùng vào việc phạm tội không có giá trị sử dụng nên tịch thu tiêu hủy.

[6] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì những lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo Trần N phạm tội “*Cố ý gây thương tích*”.

Căn cứ vào điểm c khoản 3 Điều 134, điểm b, p, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, 38, 54 Bộ luật Hình sự;

Xử phạt: Bị cáo Trần N 4 (bốn) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bị bắt thi hành án, trừ thời gian tạm giam từ ngày 13 - 11 - 2019 đến ngày 06 - 01 - 2020.

Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 584, 585, 591 Bộ luật dân sự năm 2015;

Ghi nhận sự tự nguyện của bị cáo Trần N tại phiên tòa. Buộc bị cáo Trần N bồi thường cho anh Nguyễn Văn T số tiền 50.000.000 (năm mươi triệu) đồng; anh Võ Đức M số tiền 50.000.000 (năm mươi triệu) đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự: Tịch thu tiêu hủy 01 (một) dao tự chế có vỏ bọc bằng gỗ màu đen,

lưỡi bằng sắt màu trắng, cán gỗ màu đen vàng dài 90cm. (Vật chứng nêu trên Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bà Rịa quản lý theo biên bản giao nhận vật chứng số 07/QĐ-VKS-BR ngày 18/02/2020).

Về án phí: Áp dụng Điều 99 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo Trần N phải nộp 200.000 (hai trăm ngàn) đồng án phí hình sự sơ thẩm và 5.000.000 (năm triệu) đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

4. Quyền kháng cáo: Trong hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án (07/05/2020) bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu xét xử phúc thẩm.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh BR-VT;
- VKSND tỉnh BR-VT;
- Sở Tư pháp tỉnh BR-VT;
- PV06, PC10 – Công an tỉnh BR-VT;
- VKSND thành phố Bà Rịa;
- Công an thành phố Bà Rịa;
- CCTHA dân sự thành phố Bà Rịa;
- UBND xã/phường nơi bị cáo cư trú;
- Bị cáo; các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Nguyễn Thị Mai